

LƯƠNG VĂN THIẾT*
LƯƠNG VĂN MẬU**

CÂY MÍA TRONG THỰC HÀNH NGHI LỄ CỦA NGƯỜI TÀY, THÁI VÀ GÓC NHÌN ĐỐI SÁNH VỚI QUAN NIỆM VỀ CÂY VŨ TRỤ TRONG VĂN HÓA CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM

Tóm tắt: Người Tày, Thái là những cư dân sinh sống lâu đời ở khu vực Đông Bắc, Tây Bắc và khu vực miền núi Thanh-Nghệ. Trong đời sống tín ngưỡng, người Tày, Thái còn bảo lưu nhiều tín ngưỡng bản địa rất đậm nét. Một trong số đó là tập tục sử dụng cây mía trong những thực hành nghi lễ tín ngưỡng, đặc biệt là dịp tết Nguyên đán. Theo họ, cây mía là lễ vật kết nối giữa con người và tổ tiên, tượng trưng cho lộc và ước nguyện về một năm mới sức khỏe, bình an. Qua góc nhìn về vũ trụ luận, lịch tiết hay tín ngưỡng dân gian, chúng tôi muốn nhìn nhận, đối sánh tập tục dùng cây mía với cây nêu, cây vũ trụ. Từ đó, góp phần nhìn nhận về cây vũ trụ trong đời sống văn hóa một số tộc người ở Việt Nam trong quá khứ và còn dấu ấn cho đến ngày nay.

Từ khóa: Cây mía; nghi lễ; Người Tày; người Thái.

Dẫn nhập

Người Tày và người Thái là những cư dân sinh sống lâu đời ở Việt Nam. Trong lối sống sinh hoạt, hai tộc người này vẫn giữ gìn những tín ngưỡng truyền thống rất sâu sắc, một trong số đó là việc sử dụng cây mía trong thực hành các lễ tết hay trong các nghi lễ vòng đời. Theo quan niệm của người Tày, Thái, cây mía là một lễ vật không thể thiếu trong thực hành các nghi lễ, đặc biệt là nghi lễ thờ cúng gia tiên.

* Xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

** Công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Ngày nhận bài: 23/12/2021; Ngày biên tập: 17/6/2022; Duyệt đăng: 19/8/2022.

Cây mía không chỉ có vai trò quan trọng trong thực hành nghi lễ vào ngày tết mà còn xuất hiện trong các nghi lễ khác như cưới xin, ma chay hay trong các nghi lễ cộng đồng. Quá trình cộng cư khiến người Tày, Thái có những ảnh hưởng sâu sắc trong phong tục lễ tết của người Kinh, người Hán, nhưng những dấu ấn tín ngưỡng cổ xưa ít nhiều vẫn còn được người dân bảo lưu và thực hành. Về việc sử dụng cây mía trong các nghi lễ, đặc biệt là trong các nghi lễ quan trọng như ngày tết, các nghi lễ vòng đời, qua góc nhìn đa chiều về lịch tiết, vũ trụ luận, lịch sử và tín ngưỡng dân gian, chúng tôi muốn nhìn nhận về cây mía và quan niệm về cây vũ trụ trong thực hành nghi lễ tín ngưỡng của người Tày, Thái. Đề cập đến chủ đề này đã có nhiều tác giả, bài viết liên quan, trong đó có thể kể đến như: *Sự tích cây nêu* của tác giả Nguyễn Đồng Chi (1972); trong các nghiên cứu về *Lầu Then, Xăng Khan* của các tác giả Chăm Trọng (1978), Hoàng Lương (2005), Nguyễn Thị Yên (2006), La Công Ý (2010), Vi Văn An (2017)...; ngoài ra, còn được đề cập rải rác trong các nghiên cứu liên ngành về lễ tết của các giả Ngô Văn Doanh (1993), Trần Ngọc Thêm (1999), Phạm Thị Hoàng Oanh (2003), Tô Ngọc Thanh (2004), Nguyễn Ngọc Thanh và cộng sự (2018), Nguyễn Duy Thiệu (2020), Trần Thị Tuyết Mai (2021)... Tuy nhiên, trong các bài viết vẫn ít có những đối sánh, nếu có cũng chỉ là so sánh giữa các dân tộc cùng nhóm ở các địa bàn khác nhau hoặc các dân tộc cùng nhóm ngôn ngữ; việc so sánh giữa các dân tộc khác nhau, ngữ hệ khác nhau sẽ góp phần phác họa một bức tranh đa chiều về những nét tương đồng và khác biệt trong quan niệm, cung cách và tập tục dựng cây nêu hay cây vũ trụ giữa các dân tộc sinh sống ở Việt Nam. Thông qua đó, góp phần gợi mở phần nào lớp văn hóa “bản địa”, chiều sâu lịch sử trong quan niệm về vũ trụ của các dân tộc ở Việt Nam. Bài viết, góp phần đối sánh cây mía với cây nêu của một số tộc người như người Kinh, Mường... và cây vũ trụ trong quan niệm của một số tộc người ở Tây Nguyên. Cho đến nay, trong cuộc sống sinh hoạt, người Tày, Thái vẫn duy trì và thực hành các nghi lễ có sử dụng cây mía như một lễ vật không thể thiếu vào các dịp lễ tết, đặc biệt là tết Nguyên đán. Đây là bằng cứ thể hiện cho sức sống của lớp văn hóa truyền thống giúp chúng ta gợi mở nhiều vấn đề về những biểu tượng hay họa tiết còn ẩn giấu trong những cổ vật và tín ngưỡng dân gian.

1. Cây mía trong thực hành nghi lễ của người Tày, Thái

Theo lịch tiết, tết truyền thống của người Tày, Thái được bắt đầu vào tháng bảy âm lịch, thời điểm tết vào ngày 14. Tết này đối với người Thái Đen ở Tây Bắc gọi là tết *Xíp xí* và người Tày gọi là *kín chét* [Cầm Trọng, 1978: 214; Hoàng Lương, 2005: 209-2018; La Công Ý, 2010: 236-335]. Đối với người Thái ở Nghệ An, tết này được mở rộng trở thành nghi lễ chung của dòng họ, với quy mô lớn hơn gọi là tết họ. Ngày nay, dù lịch tết đã được chuyển hoàn toàn sang mùa xuân nhưng lịch tiết cổ xưa (lễ tết được tổ chức vào mùa thu) vẫn được người dân thực hành, trong đó tết *Xíp xí* hay tết họ vào tháng Bảy là dấu ấn rất khó phai mờ. Vào ngày tết, ngoài các lễ vật thông thường như bánh chưng, thịt lợn, trâu cau, bánh trái... trên bàn thờ của người Tày và người Thái, một lễ vật không thể thiếu đó là cây mía. Cây mía được đồng bào lấy cả thân và ngọn; họ thường chọn các cây thẳng, thân không bị sâu đục, lá không bị quăn để đặt bên bàn thờ. Cây mía được chọn có thân màu đỏ tía, khúc đều, có các mắt đang nhú mầm được xem là tốt nhất. Cây mía được buộc vào hai hoặc bốn chân của bàn thờ, nếu lá của hai cây mía cụp xuống, họ sẽ đan lại với nhau theo hình mắt cáo (*taleo*). Trên cây mía, người dân còn treo trâu cau, bánh trái, giấy bản để dâng cúng lên tổ tiên. Theo quan niệm của người Tày và người Thái, trâu cau tem giống hình con chim được xem là biểu tượng gắn kết giữa con người với thần linh; người Kinh cũng có tục tem trâu cánh phượng, có lẽ là điểm tương đồng với quan niệm của người Tày và người Thái. Cây mía còn có tên gọi dân gian là bông cò, lau đỏ, lau tím, thường mọc thành chùm dài từ điểm sinh trưởng trên cùng của thân khi cây mía chuyển sang giai đoạn sinh thực. Hoa mía có hình chiếc quạt mở, gồm cả nhị đực và nhị cái, khả năng tự thụ rất cao. Vào dịp tết Nguyên Đán, bàn thờ tổ tiên được ông chủ nhà quét dọn sạch sẽ, trang trí bằng giấy màu. Người ta buộc bốn cây mía vào chân bàn thờ với ý nghĩa vừa thể hiện lộc xuân vừa làm gậy chống cho tổ tiên đi về hưởng lễ [La Công Ý, 2010: 335].

Theo quan niệm của người Tày và người Thái, cây mía được xem là nấc thang kết nối giữa con người với thế giới hư vô trên trời (*Mường Then/phạ*); nó cũng thể hiện cho các bước phát triển của một kiếp người từ khi sinh ra, lớn lên, lập gia đình và kết thúc sự tồn tại bằng cách nở hoa. Đây được xem là kết thúc một kiếp người trọn vẹn

gồm: sinh, lão, bệnh, tử; hình ảnh bông mía được xem là sự kết thúc cũng là khởi đầu một cuộc sống mới. Theo quan niệm tái sinh luân hồi (hạt cây mía chứa cả nhị đực và nhị cái), những bông mía bay vào không trung tựa như cát bụi lại trở về với cát bụi, rồi bắt đầu một cuộc sống mới, một kiếp người mới. Bởi vậy, việc sử dụng cây mía trong thực hành nghi lễ thờ cúng tổ tiên được xem là sự trọn vẹn thủy chung, là nấc thang gắn kết với tổ tiên trên trời (thể hiện qua các đốt của cây mía), vừa thể hiện cho ước nguyện về một năm mới vạn sự hanh thông, ngọt lành, nhiều lộc lá... Cây mía hội tụ đầy đủ các hàm ý, mong ước trong một năm mới hay khởi đầu của đời người (cúng mụ), trưởng thành (cưới xin) cũng như kết thúc một kiếp người ở nhân gian (chết). Cây mía còn thể hiện cho mong ước về cuộc sống, về nhân tình thế thái, về thế giới quan của người Tày, Thái. Có lẽ bởi vậy cây mía mới xuất hiện trong các thực hành nghi lễ khác nhau của người Tày và người Thái vào ngày lễ tết, trong các nghi lễ vòng đời và các nghi lễ cộng đồng.

Phải nói rằng, cây mía ở cả góc độ tên gọi, cách thức sử dụng trong ngày lễ tết đều gắn với quan niệm về thế giới quan của người Tày, Thái. Trước hết, về tên gọi, họ thường gọi một năm dương thọ của con người là một *bóc lau*. Bởi thế, cây mía với tên gọi dân gian là lau đỏ, lau tím có lẽ bắt nguồn từ ngôn ngữ của người Tày, Thái [*Từ điển Thái - Việt*, 1991; *Từ điển Việt - Tày - Nùng*, 1984]. Trong nghi lễ cúng giải hạn, xin số dương (*tó thố*) cho người hết tuổi thọ, người dân thường gọi là xin thêm bông lau, hàm ý xin thêm tuổi thọ. Nghi lễ nói số dương (*tó thố/sló*) được tiến hành khi một người bị xem là hết tuổi dương thọ (tuổi già hoặc người ốm đau lâu ngày không khỏi), tiếng Tày-Thái gọi là *suất thố*. Người Tày và người Thái quan niệm, mỗi con người và vạn vật sinh sống trên đời đều được *Then* ban (*phả téng*) cho một số dương (tuổi thọ/*bươn đao*) để sinh sống trên nhân gian, khi hết tuổi dương thì về với các *Then* (*mưa bươn mưa đao* - về với trăng với sao - về với trời/*Then/phạ*) [Lương Văn Thiết, 2018a: 70-77]. Nghi lễ là hành trình để con cháu dâng lễ vật và cầu xin thần linh (*Then/phạ*) ban thêm tuổi thọ cho người ốm hoàn thành các tâm nguyện còn dang dở. Người Tày gọi nghi lễ này là lễ kỳ yên với ý nghĩa nói số (*tâu sló*). Theo chỉ định của Nam Tào, Bắc Đẩu, các vị

thần trông coi việc sinh tử, mỗi ngày có 3.000 người lọt lòng, 500 người chết (*slam xiên tốc fạc, hả pác mùa bên*). Đối với người Tày ở Lạng Sơn, để tiến hành nghi lễ, đồng bào làm một cây thông lộc mệnh (*co thông lục mệnh*) hay còn gọi là cây Đẻ Thích là một cây chuối hột với cả gốc rễ và lá. Trên thân cắm bảy (đối với nam) hoặc chín (đối với nữ) cái vĩ bằng nứa; mỗi vĩ đặt một chiếc bánh dày hay một phẩm oản và cắm lên đó một nén hương hay đặt bên cạnh một ngọn nến. Sau khi kết thúc, cây chuối cùng một cây tre và một cây ráy sẽ được đem đi trồng. Nếu cây sống thì buổi lễ được cho là có kết quả tốt đẹp, còn nếu chúng chết thì buổi lễ sẽ bị coi là chưa trọn vẹn [La Công Ý, 2010: 348-353]. Trong lễ này, người dân sử dụng cây chuối hột vì nó là nơi nuôi dưỡng, trú ẩn của các linh hồn (*hwa văn*) người ồm. Việc xin bông lau là hành trình cầu xin cho cuộc sống của người thụ lễ được hưởng trọn kiếp người nơi trần gian. Người thụ lễ được xem là chưa sống trọn kiếp, mọi việc còn dang dở, chưa kịp nở hoa nên không thể bay vô định vào không trung. Bởi vậy, xin bông lau là xin một kiếp người được trọn vẹn đến khi hoàn thành các việc ở nhân gian, sau đó là hành trình trở về như một lễ tự nhiên.

Ở góc độ vũ trụ luận, người Tày và người Thái chia vũ trụ thành ba lớp theo trục dọc: Mường trời là nơi cư ngụ của các *Then* (*Mường Then/phạ*) và tổ tiên các dòng họ sau khi chết (*đằm chao*); thế giới của con người ở giữa (*Mường Piêng*); và thế giới của những người tí hon ở dưới mặt đất (*Mường Lùm*) [Cầm Trọng, 1978: 414-424; Nguyễn Thị Yên, 2006: 64-89; La Công Ý, 2010: 236-239]. Kết nối giữa ba lớp của vũ trụ, người dân làm một cây cột lễ gọi là *xặng boóc* (cây hoa lễ) trong lễ *Xặng Khan*, *Lầu nó* của người Thái và *Lầu Then* của người Tày [Nguyễn Thị Yên, 2006; La Công Ý, 2010: 335-338; Vi Văn An, 2017: 290-292]. Về hình thức, cách bày biện xung quanh *xặng boóc* trong lễ *Xặng Khan* hay *Lầu Then* có chút khác biệt, tuy nhiên về ý nghĩa cơ bản có sự thống nhất giữa hai tộc người. *Xặng Khan* hay *Lầu Then* là dịp để các thầy cúng (ông mo, bà *Then*) dâng cúng lễ vật, lời cầu khẩn lên các *Then* ở trên trời; lễ có sự tham gia của các đệ tử (*lực síp*), những người được thầy mo chữa khỏi bệnh *lực liêng* (con nuôi) và cộng đồng. Tổ chức lễ với ý nghĩa đem lễ vật đi tiến cống Ngọc Hoàng (*Then Luông*) theo thông lệ hằng năm gọi là tiểu lễ; còn lễ thụ

phong, cấp sắc, nhận “văn bằng”, “chứng chỉ” hành nghề cùng với một số lễ cụ hoặc đề “thăng quan, tiến chức” gọi là đại lễ [La Công Ý, 2010: 343]. Bởi vậy, để tổ chức lễ *Xăng Khan* hay *Lầu Then* phải được các thầy cúng lớn (*mo môn*, *mo một*) chủ trì; những thầy cúng mới nhập môn, mới hành nghề chưa tu đủ công đức sẽ không được phép thực hiện nghi lễ quan trọng này. Trung tâm của nghi lễ là cây *xăng boóc* được làm bằng tre dài 3 - 4m, đường kính khoảng 10cm. Nếu *mo cả* (*khu*) còn sống, thì cây phải có hai đoạn tre ghép lại. Xung quanh thân cây được đục nhiều lỗ tròn, so le theo khoảng cách nhất định để cắm những cành hoa, tạo thành cây hoa có năm, bảy hoặc chín tầng. Các cành hoa được làm bằng cật tre, buộc thêm các nhánh rồi cắm các bông hoa nhuộm nhiều màu, cắt tia từ loại cây thân mềm và lõi xốp của cây tẻng (cây ruột bấc). Trên đỉnh cột, người ta cắm một chiếc ô hình vuông, cánh ô bằng vải nhiều màu sắc, thêm nữa người ta còn tết thêm bốn dây vào cây hoa buông xuống mặt sàn gọi là dây *mường* (*xai mường*) với ngụ ý làm thang để các thần linh trên trời men theo xuống dự lễ [Vi Văn An, 2017: 292].

Trên cây hoa, tương ứng với ba thế giới: *Then* ở trên cao tượng trưng bằng màu đỏ, thế giới của người tí hon là hàng rào và các chum rượu cần xung quanh cây hoa màu đen, còn thế giới của con người ở giữa được trang trí phong phú, sinh động nhất với đa sắc màu như: cây, bừa, hoa, lá, chim chóc... tất cả những gì con người có thể cảm thụ, nhìn thấy trong cuộc sống hằng ngày. Cây mía là lễ vật không thể thiếu trong lễ *Xăng Khan/Lầu Then*; mía được cắt khúc hoặc để nguyên cây làm vật trừ tà, cầu may cho *lực liệng* (con nuôi), là lộc được ban phát cho những người tham dự lễ. Cây mía một phần được cắt khúc, bó lại đặt xung cột lễ, các cây được các thầy cúng cắm hương để hơ vào quần áo trừ tà cho các *lực liệng*. Cây mía lúc này được xem là lễ vật để các thầy ban phát lộc, may mắn, ngọt lành cho *lực liệng* và những người tham dự lễ. Trên cây hoa lễ, người dân treo hình rất nhiều loài chim như: bồ câu, vịt, én, yểng vàng...; theo họ, chim là loài vừa có thể bay, vừa có thể đậu trên các *hình một* (bàn thờ) trên thiên đình nên được xem là sứ giả kết nối giữa con người và thần linh, giữa thế giới thực và cõi hư vô.

Ngày thường người Tày, Thái đều rất kỵ đặt các loại cây tươi trong ngôi nhà; theo họ việc để các loại cây tươi ở trong nhà chỉ diễn ra khi

chuẩn bị khiêng quan tài người chết đi chôn. Vào ngày lễ tết và thực hành các nghi lễ hỉ sự, người dân không bao giờ bày các loại tre, gỗ tươi ra ngay trước nhà, nhất là ở gian thờ tự (*nà hoóng*). Theo thầy mo Lô Trung Vương, xã Bình Chuẩn, huyện Con Cuông: “*Người đặt cây hoa lễ trong Xăng Khan phải là người có công đức, ăn ở hiền lành, còn không rất dễ bị chết non. Cây hoa (xăng boóc) là nơi đi về của các Then, nếu ai ăn ở không hiền lành thường bị các Then bắt theo để trừng phạt*” [Lương Văn Thiết, 2018b]. Đây cũng là lý do đối với các thầy cúng mới hành nghề, công đức chưa đủ sẽ không được phép tổ chức nghi lễ quan trọng này, đối với người dân thì bị xem là điều tối kỵ. Bởi thế, người Tày, Thái đặt cây mía trên bàn thờ là để lấy chỗ cho tổ tiên nương theo mà đi về với con cháu; việc này thể hiện quan niệm đây là chiếc thang kết nối để tổ tiên đi về, là lễ vật mang lại ngọt lành trong năm tết, đồng thời đảm bảo không phạm điều cấm kỵ khi đặt các loại gỗ, tre tươi trong nhà. Cây mía hội tụ đầy đủ các ý nghĩa vừa là vật kết nối giữa các thế giới (gồm ba lớp), quan niệm về nhân sinh và mong ước những điều tốt đẹp trong năm mới. Bởi vậy, nó là lễ vật không thể thiếu trong đời sống tín ngưỡng của người Tày và người Thái, đặc biệt là trong dịp tết Nguyên đán.

Trong nghi lễ cưới xin, của hồi môn cô dâu mang sang nhà chồng như chăn, đệm, gối... được lên bằng bông lau. Đây là những vật phẩm có giá trị hơn cả vàng bạc vì nó giúp đánh giá tính cách, phẩm giá của người con gái và vị thế của gia đình bên ngoại. Trong đó, có những chiếc gối, đệm bằng bông lau chỉ dành riêng cho bố mẹ chồng để họ gối khi chết, gối này gọi là *mon phi* (gối ma). Theo họ, chỉ có những vật dụng này thì linh hồn người chết mới được dẫn dắt, là dấu hiệu nhận diện con cháu về với tổ tiên (*dằm chao*). *Mon phi* không chỉ thể hiện cho phẩm hạnh, sự chu đáo, hiếu thuận của con cháu mà còn là dấu ấn văn hóa tộc người rất sâu đậm. Trong cưới xin, người Thái tổ chức lễ tơ hồng rất đặc biệt nhằm gắn kết đôi vợ chồng trẻ với nhau. Lễ này được người Thái gọi là bốc vía (*văn pố*) cho đôi vợ chồng trẻ, được tổ chức ngay khi cô dâu vừa bước lên cầu thang nhà chồng. Lễ được tiến hành trước khi cô dâu làm lễ cúng nhập ma nhà. Mâm cúng do hai thanh niên, một nam, một nữ (*xao, báo xở*) chuẩn bị (Đôi trai gái này được nhà trai lựa chọn từ anh chị em trong họ, đôi bạn trẻ phải là những người ngoan hiền, gia đình phúc đức, hiền lành, nếu có nhan

sắc thì càng tốt). Trong mâm lễ này, ngoài những lễ vật gồm xôi, thịt gà, bắt buộc phải có một đĩa mía chẻ, hai quả trứng luộc (mỗi quả bỏ làm bốn miếng), bên cạnh đó còn có bộ váy màu đỏ được dệt theo kỹ thuật *Ikát*, bộ đồ này khi bố mẹ chết sẽ được cô dâu mặc để chịu tang [Lê Hải Đăng, 2013: 134]. Hai cây mía dùng trong mâm tơ hồng được lấy cả gốc và ngọn, buộc chặt vào nhau, công việc chẻ mía phải do đôi nam nữ nói trên tự tay tiến hành. Trong mâm cúng *văn pò* (mâm tơ hồng) bắt buộc phải có mía và trứng, giải thích về vấn đề này thầy mo Vi Thị Biên ở xã Chi Khê, huyện Con Cuông cho rằng: “*Mâm tơ hồng là bữa cơm đầu tiên của đôi bạn trẻ sau khi trở thành vợ chồng; bữa cơm thể hiện cho tình cảm vợ chồng cao đẹp và ước vọng về cuộc sống gia đình hạnh phúc. Mía thể hiện cho tình cảm vợ chồng luôn ngọt lành, cây mía còn được dùng để làm gậy chống cho các ông vải về ăn tết với con cháu (vào ngày tết người Thái buộc hai cây mía lên bàn thờ làm gậy cho ông vải đi về ăn tết với con cháu); người Thái cầu mong đôi vợ chồng sống với nhau đến khi trở thành ông cụ, bà cụ lại cùng nhau chống gậy về trời. Quả trứng theo quan niệm của người Thái chúng tôi là sự khởi đầu của sự sống cũng là kết thúc một chu kỳ đời người, nên nó thể hiện cho một cuộc sống có trước có sau của người Thái; đồng thời còn là mong muốn cho đôi bạn trẻ sống với nhau đến trọn đời trọn kiếp*” [Lương Văn Thiết, 2017: 239-240]. Trong lễ này, hai vợ chồng ăn mỗi thứ một ít, tuy nhiên riêng đĩa mía và 8 miếng trứng thì bắt buộc hai vợ chồng phải ăn hết để cầu mong hạnh phúc lứa đôi và trọn vẹn nghĩa phu thê.

Cây mía không chỉ xuất hiện trong một số nghi lễ, tập tục của người Tày, Thái mà còn được dùng trong một số nghi lễ vòng đời như cúng vía cho trẻ nhỏ, tang ma. Trong nghi lễ cúng mụ, đồng bào thường đặt lên mâm cúng một đĩa mía chẻ cùng với trứng luộc, sợi chỉ buộc tay, nước, rượu; đĩa mía mang ý nghĩa những điều tốt lành sẽ đến với em bé trong suốt cuộc đời, quả trứng được xem là khởi đầu, cầu mong em bé luôn chăm ngoan (thực thể sống nhưng luôn bất động), khỏe mạnh (quả trứng thôn đều, hồng hào), sợi chỉ dùng để buộc tay cầu sức khỏe cho em bé. Trong dịp tang ma, người Tày, Thái có tục trồng một số cây xung quanh nhà mồ như trầu cau, mía và buộc con gà, treo quần áo cùng những đồ vật dụng gắn với giới tính của người chết (đàn ông có rìu, dao, nỏ...; nữ giới thì có khung

dệt, giỏ đựng...). Theo giải thích của các thầy cúng, con gà là vật nuôi dành cho người chết, là con vật để thăm dò ý tứ của thần núi. Người ta tin rằng, nếu con gà nhảy được lên miệng huyệt thì chỗ đó là đất lành và vị sơn thần cai quản ở đây đã chấp thuận cho người chết “nhập tịch”; ai bắt được con gà sẽ gặp nhiều may mắn, tốt lành [La Công Ý, 2010: 296]. Cây mía, cây cau được xem là nấc thang để linh hồn người chết nương theo để lên trời. Cây mía còn mang dụng ý ông bà tổ tiên sẽ mang đến những điều tốt lành cho con cháu và cũng là lễ vật để tổ tiên mang lên trời.

2. Những góc nhìn đa chiều về cây vũ trụ

Qua phân tích ở trên, có thể thấy cây mía có vai trò rất quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của người Tày, Thái. Cây mía có thể được nhìn nhận là vật kết nối, thể hiện sự giao cảm giữa con người với thần linh trên trời (*Mường Then/phạ*). Ở bài viết này, chúng tôi sẽ nhìn nhận, đối sánh cây mía với tập quán dựng cây nêu trong tín ngưỡng của người Kinh, người Mường và một số tộc người ở Tây Nguyên.

2.1. Sự tương đồng

Trời được coi là điểm khởi đầu và cũng là điểm kết thúc trong quan niệm về thế giới quan của đa số các tộc người ở Việt Nam. “Trời” trong tiếng Kinh (Việt) được người Mường gọi *TBời* hay *T’lời*, người Tày, Thái gọi *Phạ* hoặc *Then*, các dân tộc ở Tây Nguyên gọi là *Yàng*... Đó là một thế giới trong trí tưởng tượng, cao xa nhưng luôn tác động, chi phối đến cuộc sống của con người. Người Kinh có câu “sống gửi thác về” hay “muru sự tại nhân, thành sự tại thiên”, người Tày, Thái gọi là *phạ téng* và khi chết đi lại về với trăng với sao (*mưa buon/bân đao*). Và, vật để kết nối giữa hai thế giới của con người và thế giới hư vô ở trên trời đều thông qua lễ vật trung gian nơi người Kinh gọi là cây nêu, người Tày, Thái gọi là *xạng boóc* (trong lễ *Xăng khan/Lầu Then*), cây mía trong ngày lễ tết, còn các tộc người ở Tây Nguyên gọi là cây vũ trụ hay cây nêu... Việc dựng cây nêu diễn ra trong các dịp lễ tết, lễ hội cộng đồng, nghi lễ tang ma hay một số nghi lễ vòng đời. Tuy tên gọi, thời điểm, tập tục dựng các loại cây trên có những đặc điểm riêng nhưng tựu chung ý nghĩa, ẩn ý sâu xa có nhiều điểm tương đồng.

Cây tre, mía hay cây nêu thường được trang trí theo hình các bậc thang; đây được xem là nấc thang thể hiện sự phát triển và cũng là điểm tựa để tổ tiên đi về với con cháu. Cây tre là một loại cây rất đặc biệt, khi nở hoa cả bụi tre đó sẽ tàn lụi rồi chết. Bởi vậy, khi chọn cây nêu dân ta mới lựa chọn các loại cây tre bánh tre có lẽ mang theo ẩn ý về sự trường thọ, mọi sự được phát triển từ thấp lên cao, từ trẻ đến già (sinh, lão, bệnh, tử). Quá trình vận chuyển cây nêu của các dân tộc như người Kinh, Mường, Khơ Mú, Tày, Thái... đều có tục kiêng kỵ đưa cây tre, gỗ tươi vào trong nhà, không được vác cây tươi qua cổng chính. Tục này có lẽ giống với tập quán của người Tày, Thái khi kiêng kỵ đặt các loại gỗ, cây tươi trong nhà hoặc mang vác các loại cây tươi có cành lá qua cửa chính. Sự kiêng kỵ này nhằm tránh những điều không may mắn sẽ đến với gia chủ. Người Khơ Mú cũng có tục kiêng mang vác các loại tre tươi lên nhà. Theo họ, việc đặt các loại cây, gỗ tre tươi chỉ diễn ra khi chuẩn bị khiêng quan tài người chết đi chôn [La Công Ý và cộng sự, 2008: 343]. Khi lựa chọn cây mía, người Tày, Thái thường lựa chọn những cây có nhú mầm được xem là nấc thang, vừa thể hiện cho lộc lá vào ngày tết. Trên cây nêu, *xặng boóc*, cây mía của người Tày, Thái và một số tộc đều trang trí những con chim, được xem là sứ giả kết nối giữa con người với thần linh.

Về ý nghĩa, cây nêu là nấc thang, vật kết nối, giao cảm giữa con người và thần linh. Thời điểm dựng cây nêu của các dân tộc thường diễn ra vào lễ tết, lễ hội cộng đồng hay nghi lễ tang ma; đây là những dịp đặc biệt để thực hiện sự giao cảm, kết nối giữa con người với thần linh. Ở đây, góc độ chúng tôi muốn nhìn nhận rõ hơn là cách thức lựa chọn cây nêu, vật dựng trang trí và ý nghĩa sâu xa của việc dựng cây nêu trong ngày lễ tết của các dân tộc. Trên cây nêu của người Kinh bên cạnh những loại nông sản như ngô, khoai, bông lúa còn thấy xuất hiện lá dứa rừng và phía dưới hướng ra cổng còn vẽ hình chiếc cung, nỏ. Quan niệm dân gian đều cho rằng cung, nỏ là để trừ ma, hướng ra cổng đều nhằm trừ loại các loại ma xấu. Còn về lá dứa rừng, trong tiếng Tày-Thái được gọi là *tiêm nà* [Từ điển Thái - Việt, 1991; Từ điển Việt - Tày - Nùng, 1984], dịch sát nghĩa là lá chêm nỏ. Lá này được đồng bào dùng chêm vào mũi tên cho nỏ, tạo cho mũi tên cân bằng để

trúng mục tiêu hơn. Đối với người miền núi, nỏ là dụng cụ đắc lực trong săn bắn, hái lượm cũng như bảo vệ mùa màng và cộng đồng khi có thiên tai địch họa. Họa tiết trên trống đồng Đông Sơn (hình dưới) có lẽ phác họa những đường nét các chàng trai trong tư thế lên dây nỏ; đây là động tác cần sự khéo, dứt khoát, mạnh mẽ, đặc biệt khi xảy ra chiến sự [Trần Ngọc Thêm, 1999: 130]. Qua tìm hiểu, đối sánh với hình ảnh của các cư dân ở miền núi, tư thế này có lẽ giống với động tác lên nỏ hơn là giã trống đồng; hơn nữa với một nhạc khí linh thiêng như trống đồng, việc dùng chân để giã xem chừng khó thuyết phục! Việc xuất hiện những họa tiết lên dây nỏ gắn với tập quán bảo vệ mùa màng, trên hết là truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.



Hình 1. Họa tiết trên trống đồng Ngọc Lũ (nguồn: internet)

Nếu nhìn rộng ra, những tục hèm, trò diễn xung quanh cây nêu có sự tương đồng đến kỳ lạ giữa các dân tộc; có thể kể đến trò Bách nghệ khôi hài ở lễ hội làng He, xã Vi Cương, Phú Thọ (nơi thờ các vua Hùng), nghi lễ múa xung quanh cây nêu và hoạt cảnh diễn trong lễ bỏ mả của một số dân tộc ở Tây Nguyên hay lễ *Xăng Khan/Lầu Then* của người Tày, Thái. Trước khi kết thúc lễ *Xăng Khan/Lầu Then* các thầy cúng cầm những chiếc nỏ đi xung quanh cây hoa (*xặng boóc*) mô phỏng động tác săn bắn, rình mò mồi, cày bừa, gieo mạ và một đôi trai gái trình diễn trò tung dí. Người con trai đặt sinh thực khí đằng trước lắc lên lắc xuống còn người nữ đi xung quanh

cây hoa, họ phải phối hợp nhịp nhàng để sau ba lần sinh thực khí phải chạm vào nhau mới được xem là may mắn, mùa màng bội thu, người an vật thịnh. Trong lúc đó, các thiếu nữ tay cầm ô nhảy múa, động tác đồ ổng (*tăng/toòng bú*) xung quanh cây hoa. *Toòng bú* bản chất là một tín ngưỡng phồn thực, người nữ cầm các ống nứa (tượng trưng cho sinh thực khí nam) một đầu cắt mấu đồ xuống tấm phản để phát ra tiếng boong, bu. Bên cạnh tiếng chiêng trống, các điệu múa hòa cùng tiếng hò reo tạo một không khí, âm vang bắt chước tiếng sấm như từ ngàn xưa vọng lại. Kết thúc lễ hội, thầy mo chính đọc bài cúng *xống văn hầu hươn* (tiễn đưa hồn vào nhà) và làm lễ hạ cây hoa, cắt kiếm, tháo hai dây xai mường. Mọi người chen nhau lấy các con vật trên cây với niềm tin rằng họ sẽ nhận được những điều may mắn trong năm mới. *Kép boóc* (hái hoa) là phần kết của lễ hội, lúc này chủ lễ hái hoa, lấy những khúc mía chia cho tất cả mọi người có mặt trong lễ hội. Mỗi bông hoa, khúc mía là một phần thưởng tượng trưng cho sự may mắn trong cuộc sống.

Trong lễ hội làng He, tục rước chúa Gái được duy trì như nội dung chính của lễ hội. Ngoài nội dung rước chúa Gái, lễ hội làng He còn nội dung phản ánh bản sắc của cư dân nông nghiệp đó là lễ hội xuống đồng mà người Tày, Thái gọi là *Lồng Tồng*. Lễ hội với ý nghĩa nhắc nhở mọi người đừng vui xuân quá mà quên mất công việc đồng áng của mình [Phạm Thị Hoàng Oanh, 2003: 61-62]. Chúa Gái được chọn là một thiếu nữ đẹp người đẹp nét, tuổi từ 13 đến 18, gia đình phong quang (không có tang cả hai bên nội ngoại), có chức sắc và có điều kiện kinh tế, bố mẹ song toàn, có con trai, gia đình gia giáo. Lễ tạ ơn chúa Gái được tổ chức tại đình Cả. Kiệu chúa Gái được rước qua làng Trẹo theo hướng sông Hồng về núi Tản. Dọc đường, dân làng làm nhiều trò diễn để chúa vui, trò diễn đó được nhân dân đặt tên là trò “Bách nghệ khôi hài”. Những người tham gia diễn trò mặc nhiều màu đi rước kiệu. Dẫn đầu đoàn trò là người vác cây mía to, trên ngọn buộc một bó lúa gọi là lúa thờ, tiếp sau là những người hóa trang theo các nghề nghiệp riêng của mình như: người đi câu cá, vai vác sào dài, đầu sào buộc một chiếc bánh chưng; người đi săn vác một cây giáo bằng cả một đoạn tre to vót nhọn; người đi làm ruộng mang theo cày,

bừa, cuốc cào làm bằng gỗ hoặc tre; những người đeo mặt nạ đầu trâu, đầu bò đi theo... [Trần Thị Tuyết Mai, 2021: 61-68]. Sự xuất hiện của cây mía giúp chúng ta gợi mở nhiều vấn đề về lớp văn hóa bản địa, điểm tương đồng trong thực hành nghi lễ giữa người Kinh với người Tày, Thái. Lớp văn hóa này có lẽ được hun đúc từ buổi khai thiên lập địa của dân tộc, nơi có sự giúp sức của cộng đồng Tay Hâu (nhóm ngôn ngữ Tày-Thái) và Lạc Việt. Tay Hâu là một từ thể hiện niềm tự hào, chỉ người cùng dân tộc, cùng dòng họ và huyết thống, ví dụ: *côn Tay hâu/háu* - người Thái mình, *Côn hâu/háu* - người mình [Hoàng Nam - Lê Ngọc Thắng, 2018: 11]. Cây mía phải chăng là chiếc gậy, vật giao cảm giữa con người và thần linh đồng thời gửi gắm mong ước về một mùa màng bội thu, người an vật thịnh. Dân gian quan niệm, nếu chúa Gái cười nhiều thì năm đó dân làng gặp những điều tốt lành. Sau khi xem diễn trò xong, kiệu của chúa Gái tiếp tục đi tới cầu tây (cầu cấp), chúa Gái được đưa xuống mảng theo dòng chảy xuôi theo sông Hồng, dân làng đứng hai bên bờ tiễn cho tới khi bóng hình chúa Gái khuất hẳn sau lũy tre xanh. Đến đây, trò diễn tiễn chúa Gái kết thúc và các đồ mã voi, ngựa được đem đi hóa.

Trong các lễ hội cộng đồng, lễ Bỏ mả của một số dân tộc ở Tây Nguyên như người Ê Đê, Bana, Xơ đăng... có nhiều điểm tương đồng với các dân tộc Tày, Thái, Kinh, Mường... ở miền Bắc. Những động tác múa xoang gắn kết cộng đồng xung quanh cây nêu hay nhà mồ, điệu múa có sự tương đồng với điệu mùa xòe hay trò bách nghệ khôi hài. Đa số các nghi lễ tín ngưỡng của người Việt đều xoay vòng ngược chiều kim đồng hồ; theo giải thích của nhiều người đó là hướng tâm linh, hướng đến ông bà tổ tiên. Dẫn đầu đoàn múa xoang là người đóng làm ma quỷ, kế đến là đoàn tấu cồng chiêng, theo sau là các cô gái múa xoang, già làng và người dân. Vòng xoang có thể mở rộng hoặc xếp thành nhiều vòng nhiều lớp như các lớp sóng vỗ vào bờ, nhịp nhàng theo nhịp chiêng trống cùng tiếng hò reo của cộng đồng. Những chàng trai cầm khiên, giáo, nỏ với những động tác mạnh mẽ, dứt khoát góp phần tái hiện những cuộc giao tranh trong lịch sử. Xung quanh nhà mồ là những bức tượng nhà mồ tái hiện cảnh giao hoan, điều này vừa phản ánh tín ngưỡng phồn thực, vừa thể hiện quan niệm luân hồi của các dân tộc ở Tây Nguyên. Có thể xem tín ngưỡng phồn

thực là đặc trưng của cư dân nông nghiệp nhằm cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, con người và vạn vật được sinh sôi nảy nở. Bởi vậy, những hình ảnh trình diễn trong trò tung dí, nỏ nường, linga yoni hay tượng giao hoan ở nhà mồ là điểm đồng dạng trong tín ngưỡng của một số dân tộc ở Việt Nam. Phía tây của nhà mồ, người dân thường trồng chuối, được xem là nơi trú ẩn của linh hồn người chết; đây là quan niệm tương đồng với cây thông lộc mệnh (cây chuối hột) của người Tày, Thái và tục trồng cây chuối trong tang ma của người Kinh. Ngoài ra, trong nghi lễ trưởng thành của người Ê Đê, lời khẳng định cho sự trưởng thành của các chàng trai trước thần linh là họ biết đốt rẫy trồng lúa, trồng chuối, trồng mía [Nguyễn Ngọc Thanh và cộng sự, 2018: 231]. Theo họ, chuối sai, mía ngọt là những lễ vật quan trọng để dâng lên thần linh, là vật giao cảm giữa con người với *Yàng*. Đối với người Giê Triêng, các cô gái muốn lấy được người chồng lý tưởng phải chọn những khúc mía, ngô nường mang đến nhà rông để làm vật tặng cho các chàng trai.

Có thể thấy, trong thực hành nghi lễ tín ngưỡng của các dân tộc ở Việt Nam có những điểm đồng dạng rất rõ nét. Vật để giao cảm là cây nêu, nó được xem là nấc thang kết nối giữa con người và thần linh. Tục dựng cây nêu diễn ra vào ngày lễ tết, lễ hội của các dân tộc; những hoạt động diễn ra xung quanh cây nêu là diễn trình về cuộc sống, về mong ước và khát vọng của con người hướng đến thế giới thần linh.

2.2. Sự khác biệt

Sự khác biệt dễ nhận thấy nhất trong truyền thống dựng cây nêu của các dân tộc là thời điểm dựng cây nêu, người Kinh thường dựng vào 23 tháng Chạp, ngày ông Táo về trời trình báo Ngọc Hoàng; người Mường dựng cây nêu vào ngày 28 tháng Chạp; người Tày, Thái thường buộc cây mía vào ngày 28 - 30 tháng Chạp và ngày tổ chức lễ *Xăng Khan/Lầu Then* vào mùa thu hoặc dịp tháng 2 âm lịch; người Hmông trong lễ *Gầu Tào* từ ngày 3-5 tháng Giêng âm lịch, người Sán Dìu trong nghi lễ cầu mùa (mùa thu); các dân tộc ở Tây Nguyên như người Gia Rai, Ê Đê, Bana, Co... dựng cây nêu vào ngày lễ cộng đồng mùa xuân, thu như lễ hiến trâu (ăn trâu), mừng nhà rông hay nghi lễ đoạn tang (bỏ mả)... [Trần Từ, 1996: 236; Hoàng Lương, 2005: 215-218; Nguyễn Đồng Chi, 1972: 189-196]. Sự khác nhau về

thời điểm dựng nêu có lẽ đến từ lịch tiết, tập quán sản xuất và chu kỳ nông lịch đa dạng của các dân tộc ở Việt Nam. Đối với người Kinh chủ yếu sử dụng âm lịch trong các thực hành nghi lễ, trong khi các dân tộc khác vẫn dựa theo chu kỳ nông lịch với tập quán sản xuất nương rẫy, canh tác ruộng bậc thang nên lịch tiết chủ yếu theo chu kỳ nông lịch của từng vùng. Điều này tạo nét đa dạng trong thời điểm khai dựng cây nêu của các dân tộc, tuy nhiên bản chất, ý nghĩa lại có sự tương đồng rõ nét. Có thể thấy thời điểm dựng cây nêu đều diễn ra vào mùa xuân hoặc mùa thu; theo lịch tiết truyền thống người Việt trước đây thường tổ chức lễ tết vào mùa thu sau này do ảnh hưởng của hệ thống âm lịch và văn hóa Hán nên mới dần khai mở chủ yếu vào mùa xuân [Trần Ngọc Thêm, 1999: 150]. Theo tìm hiểu, người Tày, Thái là một trong những số ít cư dân vẫn lưu giữ lịch tiết của người Việt cổ (mùa thu), trong đó tết *Xíp xí/Kin chêt* vào tháng bảy là bằng chứng rất rõ nét.

Một nét đa sắc trong tập tục dựng cây nêu của một số dân tộc ở Việt Nam là cung cách trang trí cây nêu. Ở cây nêu của người Kinh ta thấy các yếu tố của tam giáo đồng nguyên, trong đó văn hóa Phật giáo thể hiện đậm nét nhất thông qua câu chuyện giữa Phật và quỷ [Nguyễn Đồng Chi, 1972: 189-196], cờ phướn, khánh, muối gạo bỏ thí (xung quanh cây nêu thường vãi muối, gạo dành cho ma đói ma khát); Đạo giáo thể hiện qua nấc thang (số đốt của cây nêu) nhằm gắn kết con người với thần linh, trừ tà ma; Nho giáo thể hiện qua cung cách trang trí đẹp, lộng lẫy tùy theo gia thế, người giàu, kẻ hèn đều mang theo ước vọng về một năm mới vinh hiển, thành đạt (có một số nơi treo thêm tiền sĩ giấy); và ở đó ta cũng thấy lớp văn hóa bản địa như lá dừa rừng, các loại hoa màu, cung nỏ và những kiêng kỵ theo lối truyền thống.

Cây nêu của các dân tộc như người Tày, Thái, Mường, Hmông, Sán Dìu thường trang trí khá đơn giản hơn, họ thường dùng một cây tre có cả ngọn, cao hơn nóc nhà. Trên cây nêu chủ yếu là những yếu tố văn hóa bản địa như lá dừa rừng, lá đại bi, hình chim hay cung nỏ, các yếu tố văn hóa ngoại lai gần như không thấy xuất hiện. Trong đời sống tín ngưỡng của các dân tộc này chủ yếu vẫn là tín ngưỡng bản địa, các tôn giáo như Nho, Phật, Đạo ít ảnh hưởng; nếu có cũng được

hòa lẫn vào tín ngưỡng bản địa như trừ tà, đặt taleo hay muối gạo bỏ thí. Trong ngày lễ tết, người Tày, Thái chủ yếu dùng cây mía thay thế cho tục dựng cây nêu ở ngoài trời. Theo họ cây mía hội tụ các yếu tố là nấc thang, chiếc gậy cho tổ tiên đi về với con cháu, lộc lá, mang lại ngọt lành đồng thời còn thể hiện cho sự trước sau như một. Theo tâm niệm của cộng đồng, việc dựng cây nêu (*xặng boóc*) gắn với tục lệ tổ chức lễ *Xặng Khan/Lầu Then* của các thầy cúng đức độ, cao tay còn đối với người dân thường là điều cấm kỵ. Có lẽ, bởi vậy rất ít gia đình người Tày, Thái có tục dựng cây nêu ngoài trời bằng tre; cung cách trang trí của họ thường đơn giản bao gồm trầu cau (tượng trưng cho cánh chim), giấy bản, lá đại bi (*bơ nhạ thầu*).

Bên cạnh đó, cây nêu của các dân tộc ở Tây Nguyên được trang trí khá công phu với nhiều họa tiết, hình ảnh rất đặc trưng. Cây nêu thường gồm hai phần: gốc được làm từ cây gỗ, có gờ ở trên để cắm ngọn tre (lò ô); bốn góc chôn bốn cây gạo cao khoảng 1.5m -2m. Ngoài cây nêu chính người dân còn cắm sáu - tám cây tre nhỏ, tỏa ra các hướng, trên ngọn có các dây hình tua rua buông xuống. Màu sắc trang trí thường chọn là màu đen, đỏ; theo họ màu đen thể hiện cho đất đai-nơi nuôi dưỡng con người khi sống và gửi gắm thân xác khi chết; màu đỏ thể hiện cho ánh Mặt trời, màu của máu (máu con vật hiến sinh). Trên cây nêu có khá nhiều họa tiết, nhưng phổ biến nhất vẫn là hình cánh chim, cánh người cầm cung nỏ và những tấm phen được đan theo hình cánh chim. Cây vũ trụ được trang trí trên mái nhà mồ gọi là cây *toác*, với năm cây lớn có cả cành lá, hoa, quả; trên ngọn cây có những con chim bay lượn; dưới gốc là cảnh người uống rượu cần, phụ nữ đeo gùi, người cầm nỏ đi săn. *Toác* là một loại cây rừng thuộc họ cọ, người Gia Rai lấy bộ phận thân của cây làm rượu hay chắt lấy tinh bột để làm lương thực vào mùa giáp hạt. Cây vũ trụ được xem là nơi khai tỏa của mọi sinh hoạt trong cuộc sống, quan niệm về vũ trụ quan và nhân sinh quan; nó là vật gắn kết giữa thế giới của con người với thần linh (*yàng*), là nấc thang để con người sau khi chết được về với tổ tiên. Sự xuất hiện của cây vũ trụ trên mái nhà mồ gắn với quan niệm tái sinh luân hồi của các dân tộc ở Tây Nguyên; theo họ con người chết không phải là hết nó khởi đầu cho một kiếp người mới. Người Gia Rai cho rằng, con người chết sau khi làm lễ bỏ mả linh hồn

sẽ biến thành người tí hon và cuối cùng được đầu thai vào những đứa bé được sinh ra [Ngô Văn Doanh, 1993: 134]. Bởi vậy, lễ bỏ mả hay lễ đoạn tang là sự kết thúc nhưng cũng là khởi đầu cho một kiếp người mới; cây vũ trụ là vật giao cảm, kết nối giữa thế giới của con người với thế giới sau khi chết. Cách trang trí cây nêu và cây *toác* (vũ trụ) của các dân tộc ở Tây Nguyên có nhiều họa tiết tương đồng như cánh chim, người cầm nỏ đi săn. Đây là vật dụng với gắn với cuộc sống thường ngày của họ, hình tượng con chim là vật kết nối giữa con người với thần linh, giữa thế giới người sống và người chết; nỏ là vật dụng phản ánh cuộc sống săn bắn hái lượm, bảo vệ mùa màng và con người khỏi thiên tai địch họa.

Có thể thấy, tục dựng cây mía trong các nghi lễ của người Tày, Thái có nhiều điểm tương đồng so với tập tục dựng cây nêu hay cây vũ trụ của một số dân tộc ở Việt Nam. Bên cạnh đó, có những nét khác biệt trong thời điểm, cách thức lựa chọn cây nêu và các họa tiết trang trí trên cây nêu. Tuy nhiên, nhìn chung, về quan niệm, ý nghĩa và những họa tiết bao trùm trên cây nêu có rất nhiều nét tương đồng giữa các dân tộc ở Việt Nam.

Thay lời kết

Có thể nói, lễ tết là một dịp đặc biệt để con người hồi tưởng, cảm tạ thần linh, tổ tiên đã cùng con cháu trải qua một năm lao động sản xuất. Các lễ vật dâng cúng thể hiện quan niệm và mong muốn của mỗi cư dân nhằm cầu mong những điều tốt đẹp. Theo quan niệm của người Tày, Thái, vào ngày tết cây mía là lễ vật không thể thiếu trong thực hành nghi lễ. Cây mía được xem là chiếc gậy, là nấc thang để tổ tiên đi về với con cháu, đồng thời là lễ vật cầu mong cho một năm mới may mắn, bình an. Bởi vậy, ở góc độ nào đó, cây mía được xem là cây nêu, cây vũ trụ nhằm gắn kết giữa con người với thần linh trên trời. Cho đến nay, tục lệ này vẫn được duy trì và thể hiện sức sống riêng trong các thực hành tín ngưỡng. Qua nhìn nhận, đối sánh tập tục dựng cây nêu của một số dân tộc với tục dựng cây mía của người Tày, Thái, bài viết góp phần làm rõ hơn các điểm tương đồng trong thực hành tín ngưỡng của một số dân tộc ở Việt Nam, bên cạnh một số điểm khác biệt về tập quán, thời điểm và những trang trí mang dấu ấn tộc người./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vi Văn An (2017), *Người Thái ở miền Tây Nghệ An*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Triều Ân, Hoàng Quyết (1996), *Từ điển thành ngữ - tục ngữ dân tộc Tày*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Nguyễn Đồng Chi (1972), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội (tái bản năm 1998).
4. Ngô Văn Doanh (1993), *Nhà mồ và tượng mồ Gia-rai, Ba-na*, Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao tỉnh Gia Lai - Viện Đông Nam Á, Hà Nội.
5. Lê Hải Đăng (2013), *Nghi lễ trong gia đình của người Tày Mường ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Hoàng Lương (2005), *Văn hóa các dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
7. Trần Thị Tuyết Mai (2021), “Lễ hội làng He và những lễ hội khởi nguồn hình thành lễ hội Đền Hùng”, *Văn hóa học*, số 1.
8. Hoàng Nam, Lê Ngọc Thắng (2018), *Nhà sàn Thái*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
9. Phạm Thị Hoàng Oanh (2003), *Lễ hội rước chúa Gái làng Vi Cương - Triệu Phú, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Thanh và cộng sự (2018), *Đặc trưng văn hóa vùng Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Tô Ngọc Thanh (2004), “Âm nhạc Shaman của người Thái Đen ở Việt Nam”, in trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Đạo mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội (tái bản lần II).
13. Lương Văn Thiết (2017), *Tri thức dân gian trong chăm sóc sức khỏe của người Thái ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
14. Lương Văn Thiết (2018a), “Nghi lễ cúng báo hiếu (Tó thố) của người Thái ở xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An”, *Văn hóa dân gian*, số 4.
15. Lương Văn Thiết (2018b), Tư liệu phỏng vấn năm 2018 tại bản Xiềng, xã Bình Chuẩn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.
16. Nguyễn Duy Thiệu (2020), “Tết Nguyên đán của người Việt (Kinh) từ góc nhìn dân tộc học”, *Thế giới Di sản*, số 4.
17. Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. *Từ điển Thái - Việt* (1991), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. *Từ điển Việt - Tày - Nùng* (1984), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Trần Từ (1996), *Người Mường ở Hòa Bình*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.

21. Đặng Nghiêm Vạn (1993), *Quan hệ giữa các tộc người trong một quốc gia dân tộc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. La Công Ý và cộng sự (2008), “Nghề đan lát của người Khơ-mú ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An”, in trong *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập VI, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hóa người Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Nguyễn Thị Yên (2006), *Then Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

SUGARCANE IN THE TAY AND THAI PEOPLE’ S RITUAL PRACTICES, AND COMPARATIVE VIEW WITH THE CONCEPT OF THE COSMIC TREE OF SOME ETHNICITIES’ CULTURE IN VIETNAM

Luong Van Thiet

Chi Khe commune, Con Cuong Dist., Nghe An Province

Luong Van Mau

Con Cuong Police Department, Nghe An Province

The Tay and Thai are long-standing residents in the Northeast, Northwest and mountainous areas of Thanh Hóa and Nghệ An provinces. In the religious life, Tay and Thai people still preserve many indigenous beliefs. One of them is the practice of using sugarcane in religious ritual practices, especially during the Lunar New Year. Accordingly, sugarcane is an offering connecting people and ancestors, symbolizing luck and wishing for a new year of good health and peace. Through the perspective of cosmology, calendar, and folk beliefs, the article recognize and compare the custom of raising sugarcane with taboo tree and the cosmic tree. Since it will contribute to the recognition of the cosmic tree in the cultural life of some ethnic groups in Vietnam in the past and at the present.

Keywords: Sugarcane; Ritual; Tay people; Thai people.